

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 29 – 5 – 2023.
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tho

2. Ông Nguyễn Văn Trương

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2023/TL.ST-HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42A/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1970; Địa chỉ: ấp Đông Ph, xã Đông Ph, huyện Châu Th, tỉnh Hậu G. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Phan Văn Th, sinh năm: 1966; Địa chỉ: ấp Đông Ph, xã Đông Ph, huyện Châu Th, tỉnh Hậu G. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng chính sách xã hội; Địa chỉ: Số 169, phố Linh Đ, phường Hoàng L, quận Hoàng M, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Ng – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày: Bà và ông Phan Văn T chung sống như vợ chồng, đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đông Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Vợ

chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, ông T hay ghen tuông vô cớ, không lo cho vợ, mỗi ngày đều uống rượu về la chửi mắng bà, khiến cuộc sống bà trở nên ngột ngạt, áp lực, từ đó vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn được nữa do hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn Thành.

Con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Phan Văn Toàn, sinh năm: 1992; Phan Thị Diễm Trân, sinh năm: 1996 và Phan Thị Ngọc Châu, sinh năm 2008. Toàn và Trân đã trưởng thành, đủ khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Châu hiện đang sống chung với bà, sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi Ngọc Châu cho đến khi con tròn 18 tuổi và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội 20.000.000đồng, vay khoảng năm 2018, vay làm cây nước.

- Bị đơn ông Phan Văn T trình bày: Ông thống nhất phần trình bày của bà Thuý về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn. Nay ông không đồng ý ly hôn với bà Thuý vì còn tình cảm với vợ con.

Con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Phan Văn Toàn, sinh năm: 1992, Phan Thị Diễm Trân, sinh năm: 1996 và Phan Thị Ngọc Châu, sinh năm 2008. Nếu Toà giải quyết ly hôn, con theo ai thì người đó nuôi, nếu theo ông thì ông nuôi, ông không yêu cầu bà Thuý cấp dưỡng nuôi con. Bà Th nuôi thì ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Nợ ngân hàng chính sách xã hội 20.000.000đồng, vay làm cây nước, ông thống nhất trả cho ngân hàng, không yêu cầu bà Thuý cùng trả.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông Phan Văn T không đồng ý ly hôn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thuý; Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với ông Phan Văn Thành; Về con chung: Phan Thị Ngọc Châu, sinh năm 2008 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi tròn 18 tuổi. Về cấp dưỡng: Bà Th không yêu cầu ông T cấp dưỡng nên ông T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Phan Văn T không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ngân hàng chính sách xã hội không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Th phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Do hôn nhân không hạnh phúc nên bà Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn Thành, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, nuôi con. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Châu T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th và ông Phan Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang vào năm 2014 nên hôn nhân giữa bà Th và ông T được xem là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa bà Th và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà Th khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Thành. Phía ông T không đồng ý ly hôn do còn thương yêu bà Thúy. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa bà Th và ông T nguyên nhân mâu thuẫn chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, ông T thường xuyên uống rượu về chửi mắng vợ con, khiến cuộc sống gia đình trở nên nặng nề, áp lực, hai bên cũng đã cho nhau nhiều cơ hội nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn. Xét thấy hôn nhân là sự tự nguyện của cả hai bên, yêu thương và có trách nhiệm quan tâm chăm sóc lẫn nhau, quá trình tiến hành các giai đoạn tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Th đã được Hội đồng xét xử phân tích, động viên nhằm hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, tuy nhiên phía bà Th vẫn cương quyết xin ly hôn và không mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với ông Thành. Phía ông T không muốn ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà Th xin ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với ông Phan Văn Thành.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Th và ông Phan Văn T khai thống nhất có 03 người con chung tên Phan Văn Toàn, sinh năm: 1992, Phan Thị Diễm Trân, sinh năm: 1996 và Phan Thị Ngọc Châu, sinh năm 2008.

Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Ngọc Châu của bà Thúy, Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện cháu Ngọc Châu vẫn đang sống chung với bà Thúy. Về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung, bà Th có thu nhập, có chỗ ở, có tài sản

riêng nên đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng cháu Ngọc Châu đến khi trưởng thành. Và tại biên bản ghi lời khai đối với cháu Phan Thị Ngọc Châu ngày 10/4/2023, cháu Châu có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Căn cứ khoản 3 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình thì còn trên 7 tuổi có quyền được chọn sống với cha hoặc với mẹ, đây là ý chí, là nguyện vọng của cháu nên cần được tôn trọng đồng thời để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống, cần ổn định cuộc sống hiện tại của cháu Châu, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cháu Phan Thị Ngọc Châu (nữ), sinh năm 2008 cho bà Nguyễn Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi tròn 18 tuổi.

Trong trường hợp có căn cứ người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con chung thì anh Phan Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Phan Văn T không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị Th không yêu cầu ông Phan Văn T cấp dưỡng nuôi con chung nên ông T chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Th và ông T còn nợ 20.000.000đồng tiền vay trong chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tại phiên tòa bị đơn ông T tự nguyện một mình đứng ra trả số tiền vay này và không yêu cầu bà Th cùng liên đới trả nợ. Tại công văn số 56/NHCS ngày 24/4/2023 của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Châu T xác định: Hộ Phan Văn Thành, sinh năm: 1966 có đại diện hộ gia đình đứng tên vay tiền tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Châu Thành, vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn 20.000.000đồng ngày vay 21/10/2019 hạn trả ngày 21/10/2024, hộ vay không thế chấp tài sản mà được đoàn thanh niên xã Đông Phước giám sát quản lý nguồn vốn vay. Hiện nay hộ bà Th và ông T ly hôn, ngân hàng đã tự thỏa thuận với hộ vay và do hộ vay chưa vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng không yêu cầu giải quyết nợ vay trong cùng vụ án này. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

2. Tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th về việc xin ly hôn với ông Phan Văn Thành. Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với ông Phan Văn Thành.

3. Về con chung: Giao cháu Phan Thị Ngọc Châu (nữ), sinh năm 2008 cho bà Nguyễn Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi tròn 18 tuổi.

4. Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị Th chưa yêu cầu ông Phan Văn T cấp dưỡng nuôi con chung nên ông T chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Phan Văn T không ai được quyền cản trở.

Trong trường hợp có căn cứ người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con chưa thành niên, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

5. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu nên không giải quyết.

6. Về nợ chung: Ngân hàng chín sách xã hội huyện Châu Thành, không yêu cầu giải quyết vấn đề tiền vay của bà Th ông T trong cùng vụ án này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

7. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đồng. Chuyển 300.000đồng tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011019 ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành tiền án phí. Bà Th đã nộp xong.

8. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 29/5/2023. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

9. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS H.Châu Thành;
- VKSND H.Châu Thành;
- UBND xã Đông Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hương